

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẠCH THÔNG
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày: 13/01/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lăng Văn Thủy** và bà **Phạm Thị Loan**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Sinh Hà** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2024/TLST-HS, ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lương Văn S (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 07/6/1979 tại Bắc Kạn Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Ngọc X, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1954 (bà N đã chết); Vợ là Di Thị H, con: 02 (Con lớn sinh năm 2002, con thứ 2 sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã N, huyện B, được gia đình nuôi ăn học đến lớp 5/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do, đến năm 2002 kết hôn với bà Di Thị H rồi sinh sống làm ăn tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn cho đến nay.

Bị cáo bị được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/6/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Kim O – chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Mạnh C – chức vụ: Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Nguyễn L – chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh H1 – chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã N. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khu rừng lô 6, khoảnh 6, tiểu khu C, thửa đất số 325 (rừng K) thuộc thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (theo bản đồ Quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định số 1794/QĐ - UBND, ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B) là rừng sản xuất, trạng thái rừng tự nhiên do UBND xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn quản lý theo Luật lâm nghiệp hiện hành.

Ngày 14/3/2024, Trạm kiểm lâm C1 - Hạt Kiểm lâm huyện B phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện B tiến hành kiểm tra hiện trường phá rừng tự nhiên trái pháp luật xảy ra tại khu rừng Kéo Mạ thuộc thôn N, xã N. Tại hiện trường phát hiện 02 điểm lô rừng bị phát phá. Tổ công tác sử dụng máy định vị GPS78 để lấy tọa độ, xác định vị trí, địa điểm, diện tích, chủ quản lý và đo đếm số khối lượng lâm sản bị thiệt hại, cụ thể: Hiện trường tại lô 5, 6 khoảnh 6, tiểu khu C, thửa đất số 325 rừng Kéo Mạ thuộc thôn N, xã N, huyện B, chức năng rừng sản xuất, chủ quản lý UBND xã N. Tổng diện tích rừng bị phát phá là 28.792 m², lâm sản bị thiệt hại gồm 425 cây, khúc gỗ rừng tự nhiên từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng khối lượng là 59,038m³ và 12.838 cây vầu đường kính từ 03cm đến 08cm. Qua kiểm tra xác minh, Hạt kiểm lâm huyện B xác định có Lương Ngọc T sinh năm 1994. Trú tại thôn N, xã N, huyện B thực hiện hành vi phát phá rừng với diện tích là 5.118 m² nên đã khởi tố vụ án hình sự, chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền, đồng thời tiến hành điều tra, làm rõ đối với phần diện tích rừng bị phát phá chưa xác định được đối tượng để xử lý theo quy định. Tiến hành điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định được Lương Văn S thực hiện hành vi hủy hoại rừng, cụ thể như sau:

Do có nhu cầu trồng cây nên khoảng cuối tháng 02 đầu tháng 03/2024, Lương Văn S đã sử dụng 01 con dao quắm bằng kim loại và 01 máy cưa xăng để chặt, cắt, phát phá các cây gỗ và cây vầu trên diện tích đất rừng tự nhiên tại khu đồi Kéo Mạ thôn N, xã N. Sự phát, phá trong thời gian khoảng 20 ngày, mục đích phát, phá là để trồng cây nông nghiệp và cây lâm nghiệp để phát triển kinh tế gia đình. Sau khi phát, phá xong thì làm đường biên cản lửa, chõ cây khô rồi đốt. Khoảng nửa tháng sau, Lương Văn S sử dụng một bật lửa ga đốt cháy các cây gỗ, cây vầu do S đã chặt hạ trước đó rồi đứng đợi khoảng 01 giờ đồng hồ để cho lửa cháy gần hết thì đi về nhà.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/5/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, xác định: Hiện trường vụ phát, phá rừng tại lô F,

khoảnh 6, tiểu khu C thuộc thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, chức năng là rừng sản xuất theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B, trạng thái rừng tự nhiên. Tổng diện tích bị phát phá là 5.468 m², lâm sản bị thiệt hại gồm 95 cây, khúc gỗ rừng tự nhiên từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng khối lượng là 13,273m³ và 1.585 cây vầu đường kính từ 03cm đến 08cm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 15/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Tại thời điểm tháng 3/2024: 95 (chín năm) lóng, khúc gỗ tự nhiên thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng khối lượng là 13,273m³ và 1.585 cây vầu đường kính từ 03 cm đến 08 cm có tổng giá trị là 19.286.930^d (*Mười chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Lương Văn S khai nhận, do có nhu cầu trồng cây để phát triển kinh tế nên trong thời gian từ cuối tháng 02 đến đầu tháng 3/2024, S đã có hành vi phát phá rừng tại khu rừng K thuộc thôn N, xã N, bị cáo đã sử dụng 01 con dao quắm bằng kim loại và 01 cưa máy xăng (đây là tài sản của S) để phát, chặt, cắt hạ cây rừng. Việc phát phá rừng do Lương Văn S tự thực hiện, không có ai giúp sức, chứng kiến, không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, không được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân xã N đang quản lý rừng. Trạng thái rừng gồm các cây vầu, cây gỗ mọc tự nhiên, không có sản phẩm của rừng trồng.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT-VKSBT ngày 30/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Lương Văn S về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 243/BLHS.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 tháng đến 05 năm:

.....

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo. Đề nghị tuyên bố bị cáo Lương Văn S phạm tội “*Hủy hoại rừng*”

*** Về hình phạt:**

- Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 243; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn S từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục.

* Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Lâm sản bị thiệt hại gồm 95 (Chín năm) lóng, khúc gỗ tự nhiên thông thường (từ nhóm V đến nhóm VIII) với tổng khối lượng 13,273m³ đang để tại hiện trường khu rừng thuộc thôn N, xã N, huyện B. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra Công an huyện B giao cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện B chủ sở hữu hợp pháp quản lý, đồng thời Ủy ban nhân dân huyện B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 1.585 cây vầu đã bị bị cáo đốt cháy, Ủy ban nhân dân huyện B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

* Về vật chứng: Căn cứ Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 (một) cửa máy nhãn hiệu ETIHL MS180, đặc điểm nắp màu cam nhạt, vỏ thân máy màu trắng, lam và xích dài 53cm, máy cũ đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng máy) và 01 (một) con dao quắm bằng kim loại (dao phát), có tra cán gỗ; phần kim loại dài 34cm, cán gỗ dài 12 cm, phần lưỡi dao rộng 04 cm, dao cũ đã qua sử dụng.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135 và 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi “Hủy hoại rừng” như Viện kiểm sát truy tố và nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng tại cơ quan điều tra đã có đầy đủ lời khai, ý kiến về vụ việc, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ **Điều 292** của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3]. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo Lương Văn S khai nhận: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 02/2024 đến đầu tháng 03/2024, bị cáo đã có hành vi dùng cưa máy và dao quắm bằng kim loại chặt, cắt, phát phá trái phép 5.468 m² **rừng sản xuất**, trạng thái rừng tự nhiên tại lô F, khoảnh 6, tiểu khu C, thửa đất số 325 (rừng K) thuộc thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - theo Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã N được phê duyệt tại Quyết định số 1794/QĐ - UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B - **là rừng sản xuất**, trạng thái rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân xã N quản lý mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, lâm sản bị thiệt hại gồm 95 cây, khúc gỗ rừng tự nhiên thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng khối lượng là 13,273m³ và 1.585 cây vầu đường kính từ 03cm đến 08cm, tổng giá trị là 19.286.930 đồng (*Mười chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi đồng*).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Lương Văn S về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 243 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái, gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và lâm sản của Nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo có bố đẻ là ông Lương Ngọc X đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Nguyên nhân bị cáo phạm tội một phần do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, ngoài ra cũng phải đánh giá về công tác tuyên truyền, phòng chống hành vi này của chính quyền địa phương và lực lượng chuyên trách vẫn còn hạn chế.

Bị cáo S có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và không cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, áp dụng Điều 65/BLHS cho bị cáo S được hưởng án treo là đảm bảo sự công bằng và khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa mà vẫn đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa.

[6] Trách nhiệm dân sự:

- Lâm sản bị thiệt hại gồm 95 (Chín năm) lóng, khúc gỗ tự nhiên (từ nhóm V đến nhóm VIII) với tổng khối lượng 13,273m³ đang để tại hiện trường khu rừng thuộc thôn N, xã N, huyện B. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Ủy ban nhân dân huyện B. Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện B nhận đủ số lượng khúc gỗ tự nhiên trên đồng thời đại diện nguyên đơn dân sự và đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 1.585 cây vầu đã bị bị cáo đốt cháy, Ủy ban nhân dân huyện B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên HĐXX không xem xét.

[7]. Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp (lao động tự do), không có thu nhập ổn định, về điều kiện hoàn cảnh sống gia đình bị cáo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của xã N và mục đích bị cáo thực hiện việc phát, phá rừng để trồng cây mỡ phát triển kinh tế gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo không khả thi nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Vật chứng:

- Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm 01 (một) cưa máy và 01 con dao quắm, bị cáo S khai nhận đây là tài sản riêng của bị cáo và khi chặt, phát phá rừng đã sử dụng các công cụ này để thực hiện hành vi cắt, chặt phát cây rừng. Xét thấy 01 (một) cưa máy và 01 con dao quắm là công cụ phạm tội và còn giá trị sử dụng nên tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước, gồm: 01 (một) cưa máy nhãn hiệu ETIHL MS180, đặc điểm nắp màu cam nhạt, vỏ thân máy màu trắng, lam và xích dài 53cm, máy cũ đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng máy) và 01 (một) con dao quắm bằng kim loại (dao phát), có tra cán gỗ; phần kim loại dài 34cm, cán gỗ dài 12 cm, phần lưỡi dao rộng 04 cm, dao cũ đã qua sử dụng.

- Đối với 95 (Chín năm) lóng, khúc gỗ tự nhiên (từ nhóm V đến nhóm VIII) với tổng khối lượng 13,273m³ đại diện nguyên đơn dân sự được trả lại theo quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[9]. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136/BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo có đơn xin miễn án phí do bị cáo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tuy nhiên đối chiếu với quy định của pháp luật thì bị cáo không đủ điều kiện được miễn án phí, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Lương Văn S phạm tội “Hủy hoại rừng”.

* Căn cứ vào điểm b, khoản 1, Điều 243; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn S 16 (Mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 32 (Ba mươi hai) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

* Vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

Tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 (một) cửa máy nhãn hiệu ETIHL MS180, đặc điểm nắp màu cam nhạt, vỏ thân máy màu trắng, lam và xích dài 53cm, máy cũ đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng máy) và 01 (một) con dao quắm bằng kim loại (dao phát), có tra cán gỗ; phần kim loại dài 34cm, cán gỗ dài 12 cm, phần lưỡi dao rộng 04 cm, dao cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 30/10/2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông)

* Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136/BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án sử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND H.Bạch Thông 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện Bạch Thông 2;
- Bị cáo 1;
- Nguyên đơn dân sự 1;
- Người CQLNVLQ 3;
- TA tỉnh Bắc Kạn 1;
- Sở tư pháp 1;
- THA Dân sự huyện BT 1;
- Lưu HSVA, lưu trữ ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

T